**Bài 40: SINH SẢN Ở NGƯỜI**

***Thời gian thực hiện: 3 tiết (tiết 30; 31; 32)***

**I. Mục tiêu:**

**1. Năng lực.**

**1.1. Năng lực khoa học tự nhiên :**

*Nhận thức khoa học tự nhiên:*

- Nêu được chức năng của hệ sinh dục; kể tên và trình bày được chức năng của các cơ quan sinh dục nam, cơ quan sinh dục nữ.

- Nêu được khái niệm thụ tinh và thụ thai; nêu được hiện tượng kinh nguyệt và cách phòng tránh thai.

*Tìm hiểu tự nhiên:*

- Biết được cách cách phòng tránh thai khi quan hệ tình dục.

- Trình bày được cách phòng chống một số bệnh lây truyền qua đường sinh dục.

- Nêu được ý nghĩa và các biện pháp bảo vệ sức khỏe sinh sản vị thành niên.

- Điều tra được sự hiểu biết của học sinh trong trường học về sức khỏe sinh sản vị thành niên (an toàn tình dục).

*Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:* Vận dụng được hiểu biết về sinh sản để bảo vệ sức khỏe sinh sản của bản thân và người thân trong gia đình.

**1.2 Năng lực chung:**

*- Tự chủ và tự học:* Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về cấu tạo và chức năng của cơ quan sinh dục nam và cơ quan sinh dục nữ, tìm hiểu về thụ tinh, thụ thai, hiện tượng kinh nguyệt và các biện pháp tránh thai, tìm hiểu các bệnh lây truyền qua đường tình dục và cách bảo vệ sức khỏe sinh sản vị thành niên.

*- Giao tiếp và hợp tác:* Thảo luận nhóm một cách có hiệu quả khi thực hiện các nhiệm vụ học tập

*- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Thảo luận với các thành viên trong nhóm nhằm giải quyết các vấn đề trong bài học để hoàn thành nhiệm vụ học tập và thực hành.

**2. Phẩm chất:** Thông qua thực hiện bài học sẽ tạo điều kiện để học sinh:

- Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân nhằm tìm hiểu về sinh sản ở người.

- Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động nhận và thực hiện nhiệm vụ.

- Chăm sóc sức khỏe của bản thân và người thân trong gia đình.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Bài Soạn + GA powerpoint + Máy tính, tivi.

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

- Vở ghi + SGK + Đồ dùng học tập + Đọc trước bài ở nhà.

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Hoạt động 1: Khởi động (Mở đầu)**

**a. Mục tiêu:** Giúp học sinh xác định được vấn đề cần học tập, tạo tâm thế hứng thú, sẵn sàng tìm hiểu kiến thức mới.

**b.Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **Nội dung** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu học sinh cá nhân đưa ra câu trả lời cho tình huống: *Để duy trì nòi giống, mọi sinh vật đều trải qua quá trình sinh sản. Ở người, cơ quan và hệ cơ quan nào đảm nhận vai trò sinh sản?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  **-**Học sinh suy nghĩ và trả lời câu hỏi.  - GV quan sát, định hướng.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - GV gọi HS trình bày câu trả lời.  **Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, ghi nhận các ý kiến của HS.  - GV chưa chốt kiến thức mà dẫn dắt vào bài học mới: *Để giải thích câu hỏi này đầy đủ và chính xác, chúng ta cùng đi vào bài học ngày hôm nay.* | ***Gợi ý câu trả lời của hoạt động khởi động:*** |

**2. Hình thành kiến thức mới**

**Hoạt động 2.1: Tìm hiểu về hệ sinh dục.**

**a. Mục tiêu:** Nêu được chức năng của hệ sinh dục; kể tên và trình bày được chức năng của các cơ quan sinh dục nam, cơ quan sinh dục nữ.

**b.****Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **Nội dung** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV cho HS quan sát Hình 40.1 - Cơ quan sinh dục nam, Hình 40.2 - Cơ quan sinh dục nữ SGK/165, 166.  - GV Cho HS cá nhân nghiên cứu thông tin phần I SGK/165, 166.  - GV cho HS thảo luận nhóm trả lời câu hỏi SGK/166:  *Đọc thông tin trên kết hợp quan sát hình 40.1 và 40.2 để thực hiện yêu cầu và trả lời câu hỏi sau:*  *1. Trình bày chức năng của các cơ quan sinh dục nam và nữ.*  *2. Tinh hoàn nằm trong bìu có thuận lợi gì cho việc sản sinh tinh trùng?*  - HS rút ra kết luận về cấu tạo và chức năng của cơ quan sinh dục nam và cơ quan sinh dục nữ, chức năng của hệ sinh dục.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS quan sát Hình 40.1, Hình 40.2 SGK/165, 166.  - HS cá nhân nghiên cứu thông tin phần I SGK/165, 166.  - HS thảo luận nhóm trả lời câu hỏi SGK/166.  - HS rút ra kết luận về cấu tạo và chức năng của cơ quan sinh dục nam và cơ quan sinh dục nữ, chức năng của hệ sinh dục.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS các nhóm trả lời câu hỏi, HS nhóm khác nhận xét, bổ sung.  *Gợi ý câu trả lời của hoạt động nhóm:*  *1. Chức năng của các cơ quan sinh dục nam*  *Tinh hoàn là nơi sinh sản ra tinh trùng. Mào tinh là nơi tinh trùng tiếp tục phát triển và hoàn thiện về cấu tạo. Ỗng dẫn tinh giúp tinh trùng di chuyển đến túi tinh. Tuyến tiền liệt tiết dịch hoà với tinh trùng thành tinh dịch phóng ra ngoài qua ống đái trong dương vật. Tuyết hành tiết dịch bôi trơn khi quan hệ tình dục.*  *Chức năng của cơ quan sinh dục nữ*  *Buồng trứng sản sinh ra trứng. Phễu dẫn trứng hứng và đưa trứng sau khi rụng vào ống dẫn trứng. Tử cung làm nhiệm vụ nuôi dưỡng thai nhi phát triển. Âm đạo là nơi tiếp nhận tinh trùng và là đường ra của trẻ khi sinh. Tuyến tiền liệt tiết dịch nhờn để bôi trơn âm đạo.*  *2. Giúp duy trì nhiệt độ thích hợp cho việc sản sinh tinh trùng.*  - HS đưa ra kết luận về cấu tạo và chức năng của cơ quan sinh dục nam và cơ quan sinh dục nữ, chức năng của hệ sinh dục.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt nội dung kiến thức | **I. Hệ sinh dục.**  **KL:**  Hệ sinh dục có chức năng duy trì nòi giống thông qua quá trình sinh sản.  **1. Cơ quan sinh dục nam:**  *- Cấu tạo*: gồm hai tinh hoàn nằm trong bìu, mào tinh, ống dẫn tinh, túi tinh, ống đái, dương vật.  *- Chức năng:* Sản sinh ra tinh trùng  **2. Cơ quan sinh dục nữ:**  *- Cấu tạo:* gồm hai buồng trứng, ống dẫn trứng, tử cung và âm đạo.  *- Chức năng:* Sản sinh ra trứng, bảo vệ và nuôi dưỡng thai nhi cho đến khi sinh ra. |

**Hoạt động 2.2: Tìm hiểu về thụ tinh và thụ thai.**

**a. Mục tiêu:** Nêu được khái niệm thụ tinh và thụ thai; nêu được hiện tượng kinh nguyệt và cách phòng tránh thai.

**b.****Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **Nội dung** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV choHS quan sát Hình 40.3 - Thụ tinh và thụ thai và nghiên cứu thông tin phần II - SGK/166.  - GV choHS hoạt động nhóm trả lời câu hỏi SGK/166: *Em hãy phân biệt thụ tinh và thụ thai.*  - GV choHS rút ra kết luận về thụ tinh và thụ thai.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS quan sát Hình 40.3 - Thụ tinh và thụ thai và nghiên cứu thông tin phần II - SGK/166.  - HS hoạt động nhóm trả lời câu hỏi SGK/166.  - HS rút ra kết luận về thụ tinh và thụ thai.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  *Gợi ý trả lời câu hỏi hoạt động nhóm:*  *Sự thụ tinh là quá trình kết hợp giữa trứng và tinh trùng tạo thành hợp tử. Sự thụ thai xảy ra khi phôi làm tổ được ở tử cung.*  - HS các nhóm trả lời câu hỏi, HS nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - HS đưa ra kết luận về thụ tinh và thụ thai.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt nội dung kiến thức | **II. Thụ tinh và thụ thai.**  **KL:**  **1. Thụ tinh:**  Sự thụ tinh là quá trình kết hợp giữa trứng và tinh trùng tạo thành hợp tử.  **2. Thụ thai:**  Sự thụ thai xảy ra khi phôi làm tổ được ở tử cung. |

**Hoạt động 2.3: Tìm hiểu về tượng kinh nguyệt và các biện pháp tránh thai.**

**a. Mục tiêu:** Nêu được hiện tượng kinh nguyệt và cách phòng tránh thai.

**b.****Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **Nội dung** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV choHS quan sát Hình 40.4 - Chu kì kinh nguyệt và nghiên cứu thông tin phần 1 - SGK/167.  - GV choHS hoạt động nhóm trả lời câu hỏi SGK/167: *Dựa vào thông tin trong hình 40.4 em hãy mô tả sự thay đổi độ dày niêm mạc tử cung trong chu kì kinh nguyệt. Theo em, sự thay đổi này có ý nghĩa gì?*  - GV choHS rút ra kết luận về hiện tượng kinh nguyệt.  - GV choHS nghiên cứu thông tin phần 2 - SGK/167.  - GV choHS hoạt động nhóm trả lời câu hỏi nội dung hoạt động SGK/167:  Tìm hiểu vai trò và các biện pháp tránh thai.  *Đọc thông tin trên kết hợp tìm hiểu thông tin trên các phương tiện khác, thảo luận để trả lời các câu hỏi và yêu cầu sau:*  *1, Cần sử dụng các biện pháp tránh thai trong những trường hợp nào? Tại sao?*  *2, Nêu các biện pháp tránh thai và tác dụng của mỗi biện pháp đó theo mẫu sau:*  *Bảng 40.1. Biện pháp tránh thai và tác dụng của mỗi biện pháp.*   |  |  | | --- | --- | | **Biện pháp tránh thai** | **Tác dụng** | | Sử dụng thuốc tránh thai hàng ngày | Ngăn không cho trứng chín và rụng | | Sử dụng thuốc tránh thai khẩn cấp | ? | | Sử dụng bao cao su | ? | | ? | ? |   - GV choHS rút ra kết luận về các biện pháp tránh thai.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS quan sát Hình 40.4 - Chu kì kinh nguyệt và nghiên cứu thông tin phần 1 - SGK/167.  - HS hoạt động nhóm trả lời câu hỏi SGK/167.  - HS rút ra kết luận về hiện tượng kinh nguyệt.  - HS nghiên cứu thông tin phần 2 - SGK/167, hoạt động nhóm trả lời câu hỏi nội dung hoạt động SGK/167.  - HS rút ra kết luận về các biện pháp tránh thai.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  *Gợi ý trả lời câu hỏi hoạt động nhóm:*  *Sự thụ tinh là quá trình kết hợp giữa trứng và tinh trùng tạo thành hợp tử. Sự thụ thai xảy ra khi phôi làm tổ được ở tử cung.*  - HS nhóm trả lời câu hỏi, HS khác nhận xét, bổ sung.  - HS đưa ra kết luận về hiện tượng kinh nguyệt và các biện pháp tránh thai.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt nội dung kiến thức | **III. Hiện tượng kinh nguyệt và các biện pháp tránh thai.**  **1. Hiện tượng kinh nguyệt:**  **KL:**  Hiện tượng kinh nguyệt ở nữ giới diễn ra theo chu kì khi trứng không được thụ tinh.  **2. Các biện pháp tránh thai thai:**    **KL:**  - Nguyên tắc tránh thai là ngăn không cho trứng chín và rụng, tránh không cho tinh trùng gặp trứng, hoặc chống sự làm tổ của trứng đã thụ tinh.  - Một số biện pháp tránh thai thường được sử dụng như: Sử dụng bao cao su, sử dụng thuốc tránh thai hằng ngày, đặt vòng tránh thai,… |

**Hoạt động 2.4: Tìm hiểu một số bệnh lây truyền qua đường sinh dục.**

**a. Mục tiêu:**

- Kể tên và trình bày được cách phòng chống một số bệnh lây truyền qua đường sinh dục.

- Nêu được ý nghĩa và các biện pháp bảo vệ sức khỏe sinh sản vị thành niên; vận dụng được hiểu biết về sinh sản để bảo vệ sức khỏe bản thân.

- Điều tra được sự hiểu biết của học sinh trong trường học về sức khỏe sinh sản vị thành niên (an toàn tình dục).

**b.****Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **Nội dung** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV choHS quan sát Hình 40.5 SGK/168, nghiên cứu thông tin phần 1 - SGK/168, hoạt động nhóm trả lời câu hỏi nội dung hoạt động SGK/168:  *Tìm hiểu tác hại và biện pháp phòng chống các bệnh lây truyền qua đường sinh dục:*  *1, Các bênh lây truyền qua đường sinh dục có thể gây ra những hậu quả gì?*  *2, Từ những hiểu biết về các bệnh lây truyền qua đường sinh dục, em hãy đề xuất biện pháp phòng chống các bệnh đó.*  - GV cho HS rút ra kết luận về một số bệnh lây truyền qua đường sinh dục.  *-* HS nghiên cứu thông tin phần 2 - SGK/168.  - HS hoạt động nhóm trả lời câu hỏi SGK/168 về bảo vệ sức khỏe sinh sản vị thành niên:  *1. Bảo vệ sức khoẻ sinh sản vị thành niên có ý nghĩa gì?*  *2. Em có thể vận dụng những kiến thức về sinh sản để bảo vệ sức khoẻ bản thân như thế nào?*  - GV cho HS rút ra kết luận về về bảo vệ sức khỏe sinh sản vị thành niên.  - GV cho HS hoạt động nhóm thực hiện nội dung hoạt động SGK/169:  *Điều tra hiểu biết của học sinh về sức khỏe sinh sản vị thành niên.*  *1, Tiến hành điều tra trong trường học hiểu biết của các bạn về sức khỏe sinh sản vị thành niên theo mẫu điều tra Bảng 40.2.*  *Bảng 40.2.*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Nội dung điều tra** | **Có** | **Không** | | Biết về cấu tạo và chức năng của cơ quan sinh dục | ? | ? | | Biết việc nạo, phá thai ảnh hưởng xấu đến sức khỏe sinh sản | ? | ? | | Biết các biện pháp phòng ngừa xâm hại tình dục | ? | ? | | Biết về các biện pháp tránh thai ngoài ý muốn | ? | ? | | Biết nguyên nhân, triệu chứng, cách phòng chống bệnh lậu | ? | ? | | Biết nguyên nhân, triệu chứng, cách phòng chống giang mai | ? | ? | | Biết nguyên nhân, triệu chứng, cách phòng chống AIDS | ? | ? |   *2, Từ kết quả điều tra, em hãy cùng bạn xây dựng nội dung tuyên truyền nhằm nâng cao hiểu biết về sức khỏe sinh sản vị thành niên.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS quan sát Hình 40.5 SGK/168, nghiên cứu thông tin phần 1 - SGK/168, hoạt động nhóm trả lời câu hỏi nội dung hoạt động SGK/168.  - HS rút ra kết luận về một số bệnh lây truyền qua đường sinh dục.  *-* HS nghiên cứu thông tin phần 2 - SGK/168.  - HS hoạt động nhóm trả lời câu hỏi SGK/168 về bảo vệ sức khỏe sinh sản vị thành niên.  - HS rút ra kết luận về về bảo vệ sức khỏe sinh sản vị thành niên.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  ***Gợi ý trả lời câu hỏi hoạt động nhóm:***  *1. Bảo vệ sức khỏe sinh sản vị thành niên có ý nghĩa giúp sức khỏe về thể chất, tinh thần và hoạt động của cơ quan sinh dục ở tuổi vị thành niên khỏe mạnh, từ đó, đảm bảo tương lai sự nghiệp của trẻ, góp phần nâng cao chất lượng dân số.*  *2. Em có thể vận dụng những kiến thức về sinh sản để bảo vệ sức khỏe bản thân bằng cách:*  *- Tìm hiểu thông tin về sức khỏe sinh sản từ nguồn kiến thức đáng tin cậy.*  *- Nâng cao sức khỏe, vệ sinh cá nhân và cơ quan sinh dục đúng cách, sinh hoạt điều độ, tập thể dục thường xuyên, chế độ dinh dưỡng hợp lí nhằm nâng cao sức đề kháng cho cơ thể.*  *- Không sử dụng các chất kích thích, không xem phim ảnh, website không phù hợp để tránh những ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe thể chất và tinh thần.*  *- Có hành vi đúng mực với người khác giới, giữ tình bạn trong sáng, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ và giảm nguy cơ bị xâm hại.*  *- Không nên quan hệ tình dục để tránh mang thai ngoài ý muốn, mắc các bệnh lây truyền qua đường sinh dục và vi phạm pháp luật.*  - HS các nhóm trả lời câu hỏi, HS nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - HS đưa ra kết luận về một số bệnh lây truyền qua đường sinh dục và bảo vệ sức khỏe sinh sản vị thành niên.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt nội dung kiến thức.  - GV cho HS đọc mục Em có biết SGK/169.  - GV cho HS hệ thống lại các nội dung chính của bài theo mục Em đã học SGK/169. | **IV. Một số bệnh lây truyền qua đường sinh dục và bảo vệ sức khỏe sinh sản vị thành niên.**  **1. Một số bệnh lây truyền qua đường sinh dục.**  **KL:**  Một số bệnh lây truyền qua đường sinh dục phổ biến như bệnh giang mai, bệnh lậu, hội chúng AIDS,…  **2. Bảo vệ sức khỏe sinh sản vị thành niên.**  **KL:**  Bảo vệ sức khỏe sinh sản vị thành niên có ý nghĩa giúp sức khỏe về thể chất, tinh thần và hoạt động của cơ quan sinh dục ở tuổi vị thành niên khỏe mạnh, từ đó, đảm bảo tương lai sự nghiệp của trẻ, góp phần nâng cao chất lượng dân số. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Sử dụng kiến thức đã học để trả lời được các câu hỏi trắc nghiệm.

**b.****Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **Nội dung** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV Cho HS cá nhân trả lời các câu hỏi trắc nghiệm:  **Câu 1:** Ở cơ quan sinh dục nam, bộ phận nào là nơi sản xuất ra tinh trùng ?  A. Ống dẫn tinh. B. Túi tinh.  C. Tinh hoàn. D. Mào tinh.  **Câu 2:** Trong cơ quan sinh dục nữ, sự thụ tinh thường diễn ra ở đâu ?  A. Âm đạo. B. Ống dẫn trứng.  C. Buồng trứng. D. Tử cung.  **Câu 3:** Ở cơ quan sinh dục nữ, bộ phận nào dưới đây nối trực tiếp với ống dẫn trứng ?  A. Tất cả các phương án còn lại. B. Tử cung.  C. Âm đạo. D. Âm vật  **Câu 4:** Thông thường, sau khi thụ tinh thì mất bao lâu để hợp tử di chuyển xuống tử cung và làm tổ tại đấy ?  A. 7 ngày. B. 14 ngày. C. 24 ngày. D. 3 ngày.  **Câu 5:** Sau khi hoàn thiện về cấu tạo, tinh trùng được dự trữ ở đâu ?  A. Ống đái. B. Mào tinh.  C. Túi tinh. D. Tinh hoàn.  **Câu 6:** Một người phụ nữ bình thường có khoảng bao nhiêu trứng đạt đến độ trưởng thành ?  A. 2000 trứng. B. 400 trứng.  C. 1000 trứng. D. 800 trứng.  **Câu 7:** Bệnh nào dưới đây thường khó phát hiện ở nữ giới hơn là nam giới và chỉ khi đến giai đoạn muộn mới biểu hiện thành triệu chứng ?  A.Tất cả các phương án còn lại. B. HIV.  C. Lậu. D. Giang mai.  **Câu 8:** Sau khi được tạo ra tại tinh hoàn, tinh trùng sẽ được đưa đến bộ phận nào để tiếp tục hoàn thiện về cấu tạo ?  A. Mào tinh. B. Túi tinh.  C. Ống đái. D. Tuyến tiền liệt.  **Câu 9:**  Tác nhân gây bệnh lậu là một loại  A. xoắn khuẩn. B. song cầu khuẩn.  C. tụ cầu khuẩn. D. trực khuẩn.  **Câu 10:** Trong 3 tháng đầu của thai kỳ, hoocmôn progesteron được tiết ra chủ yếu nhờ bộ phận nào ?  A. Tử cung. B. Thể vàng.  C. Nhau thai. D. Ống dẫn trứng.  **Câu 11:** Theo chiều lưng-bụng thì ống đái, âm đạo và trực tràng của người phụ nữ sắp xếp theo trật tự như thế nào ?  A. Ống đái – âm đạo – trực tràng.  B. Âm đạo – Trực tràng - ống đái.  C. Trực tràng – ống đái – âm đạo.  D. Trực tràng – âm đạo - ống đái.  **Câu 12:** Nam giới bị bệnh lậu thường có triệu chứng nào sau đây ?  A. Tất cả các phương án còn lại. B. Đái buốt.  C. Tiểu tiện có máu lẫn mủ. D. Phù nề, đỏ miệng sáo.  **Câu 13:** Ở nam giới khoẻ mạnh, số lượng tinh trùng trong mỗi lần phóng tinh nằm trong khoảng bao nhiêu ?  A. 50 – 80 triệu. B. 500 – 700 triệu.  C. 100 – 200 triệu. D. 200 – 300 triệu  **Câu 14:** Hiện tượng kinh nguyệt là dấu hiệu chứng tỏ  A. trứng đã được thụ tinh nhưng không rụng.  B. hợp tử được tạo thành bị chết ở giai đoạn sớm.  C. trứng không có khả năng thụ tinh.  D. trứng chín và rụng nhưng không được thụ tinh.  **Câu 15:** Chu kì rụng trứng ở người bình thường nằm trong khoảng  A.14 – 20 ngày. B. 24 – 28 ngày.  C. 28 – 32 ngày. D. 35 – 40 ngày.  **Câu 16:** Ở nữ giới có chu kì kinh nguyệt đều đặn là 28 ngày thì trong các thời điểm sau, nồng độ LH đạt giá trị cao nhất ở thời điểm nào ?  A. Ngày thứ 28 tính từ ngày kinh đầu tiên của chu kì gần nhất  **B**. Ngày thứ 14 tính từ ngày kinh đầu tiên của chu kì gần nhất  C. Ngày kinh đầu tiên của mỗi chu kì  D. Ngày kinh cuối cùng của mỗi chu kì  **Câu 17:** Vì sao ở độ tuổi sơ sinh, tỉ lệ bé trai (XY) luôn lớn hơn tỉ lệ bé gái (XX) ?  A. Vì các hợp tử mang cặp NST giới tính XX (quy định bé gái) dễ bị chết ở trạng thái hợp tử.  B. Vì tinh trùng X có sức sống kém hơn nên dễ khả năng tiếp cận trứng luôn kém hiệu quả hơn tinh trùng X.  C. Vì tinh trùng Y nhỏ và nhẹ, bơi nhanh nên khả năng tiếp cận trứng (cơ sở để tạo ra bé trai) cao hơn tinh trùng X (cơ sở để tạo ra bé gái).  D. Tất cả các phương án còn lại.  **Câu 18:** Chọn từ thích hợp để điền vào chỗ chấm trong câu sau : Bệnh giang mai do một loại … gây ra.  A. phẩy khuẩn. B. cầu khuẩn.  C. virus. D. xoắn khuẩn.  **Câu 19:** Ở nữ giới, trứng sau khi thụ tinh thường làm tổ ở đâu ?  A. Buồng trứng. B. Âm đạo.  C. Ống dẫn trứng. D. Tử cung.  **Câu 20:** Chúng ta có thể lây nhiễm vi khuẩn giang mai qua con đường nào dưới đây ?  A. Qua quan hệ tình dục không an toàn.  B. Tất cả các phương án còn lại  C. Qua truyền máu hoặc các vết xây xát.  D. Qua nhau thai từ mẹ sang con  **Câu 21:** Ở người, tinh trùng X và tinh trùng Y sai khác nhau ở phương diện nào ?  A. Tất cả các phương án còn lại.  B. Kích thước.  C. Khối lượng.  D. Khả năng hoạt động và sống sót.  **Câu 22:** Bệnh nào dưới đây thường gây tổn thương phủ tạng và hệ thần kinh ?  A. Giang mai. B. Lậu.  C. Lang ben. D. Vảy nến.  **Câu 23:** Bệnh nào dưới đây lây truyền qua đường tình dục ?  A. Tất cả các phương án còn lại. B. Giang mai.  C. Lậu. D. Viêm gan B.  **Câu 24:** Tế bào trứng ở người có đường kính khoảng  A. 0,65 – 0,7 mm. B. 0,05 – 0,12 mm.  C. 0,15 – 0,25 mm. D. 0,3 – 0,45 mm.  **Câu 25:** HIV có thể lây truyền qua con đường nào dưới đây ?  A. Đường máu.  B. Từ mẹ sang con  C. Tất cả các phương án còn lại.  D. Qua quan hệ tình dục không an toàn  **Câu 26:** Thai nhi thực hiện quá trình trao đổi chất với cơ thể mẹ thông qua bộ phận nào ?  A. Buồng trứng. B. Ruột.  C. Nhau thai. D. Ống dẫn trứng.  **Câu 27:** AIDS là chữ tắt của thuật ngữ quốc tế mà nghĩa tiếng Việt là  A. Hội chứng bệnh lây truyền qua đường máu.  B. Hội chứng bệnh lây truyền qua đường tình dục.  C. Hội chứng suy giảm miễn dịch.  D. Hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải.  **Câu 28:** Khi xâm nhập vào cơ thể người, HIV tấn công chủ yếu vào loại tế bào nào ?  A. Đại thực bào. B. Tế bào limphô B.  C. Tế bào limphô T. D. Bạch cầu ưa acid.  **Câu 29:** Hiện tượng chậm kinh có thể phát sinh do nguyên nhân nào dưới đây ?  A. Tác dụng phụ của các loại thuốc : thuốc tránh thai, thuốc chống trầm cảm,…  B. Tất cả các phương án còn lại  C. Mang thai  D. Rối loạn tâm lý : lo âu, căng thẳng,….  **Câu 30:** Ở những phụ nữ có chu kì kinh nguyệt đều đặn là 28 ngày thì nếu trứng không được thụ tinh, thể vàng sẽ được bong ra sau  A. 14 ngày. B. 28 ngày. C. 32 ngày. D. 20 ngày.  **Câu 31.** Tinh trùng người có chiều dài khoảng  A. 0,1 mm.      B. 0,03 mm. C. 0,06 mm.      D. 0,01 mm.  **Câu 32.** Trong cơ quan sinh dục nữ, tinh trùng có khả năng sống sót từ  A. 8 – 10 ngày. B. 5 – 7 ngày.  C. 1 – 2 ngày. D. 3 – 4 ngày.  **Câu 33.** Vì sao chúng ta không nên mang thai khi ở tuổi vị thành niên ?  A. Vì con sinh ra thường nhẹ cân và có tỉ lệ tử vong cao.  B. Vì mang thai sớm thường mang đến nhiều rủi ro như sẩy thai, sót rau, băng huyết, nhiễm khuẩn, nếu không cấp cứu kịp thời có thể nguy hiểm đến tính mạng.  C. Vì sẽ ảnh hưởng đến học tập, vị thế xã hội và tương lai sau này.  D. Tất cả các phương án còn lại.  **Câu 34.** Việc nạo phá thai có thể dẫn đến hậu quả nào sau đây ?  A. Vỡ tử cung khi chuyển dạ ở lần sinh sau  B. Chửa ngoài dạ con ở lần sinh sau  C. Tất cả các phương án còn lại  D. Vô sinh  **Câu 35.** Người bị bệnh giang mai có xuất hiện triệu chứng nào dưới đây ?  A. Tiêu chảy cấp  B. Tiểu buốt  C. Xuất hiện các vết loét nông, cứng, có bờ viền và không đau  D. Tiểu ra máu có lẫn mủ do viêm  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS cá nhân trả lời câu hỏi trắc nghiệm và giải thích.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS lần lượt trả lời từng câu hỏi trắc nghiệm.  - HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV Nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức. | **III. Luyện tập**  ***Đáp án câu hỏi trắc nghiệm:***  **Câu 1:** C  **Câu 2:** B  **Câu 3:** B  **Câu 4**: A  **Câu 5:** C  **Câu 6**: B  **Câu 7:** C  **Câu 8**: A  **Câu 9**: B  **Câu 10**: B  **Câu 11**: D  **Câu 12**: A  **Câu 13**: D    **Câu 14:** D    **Câu 15**: C    **Câu 16:** B  **Câu 17:** C  **Câu 18:** D  **Câu 19**: D  **Câu 20:** B  **Câu 21**: A  **Câu 22:** A  **Câu 23**: A  **Câu 24**: C  **Câu 25**: C  **Câu 26**: C  **Câu 27**: D  **Câu 28**: C  **Câu 29:** B  **Câu 30:** A  **Câu 31**: C  **Câu 32**: D  **Câu 33**: D  **Câu 34**: C  **Câu 35**: C |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng được kiến thức đã học vào giải quyết tình huống thực tiễn.

**b.****Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **Nội dung** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  HS thảo luận nhóm trả lời câu hỏi:  **Câu 1.** Chức năng của hệ sinh dục nam và nữ có gì khác nhau?  **Câu 2.** Quan sát Hình 44.1, cho biết cấu tạo cơ quan sinh dục nam gồm những bộ phận nào. Xác định chức năng của các bộ phận đó bằng cách hoàn thành Bảng 44.1.  Quan sát Hình 44.1, cho biết cấu tạo cơ quan sinh dục nam gồm những bộ phận  Quan sát Hình 44.1, cho biết cấu tạo cơ quan sinh dục nam gồm những bộ phận  **Câu 3.** Quan sát Hình 44.2, cho biết cấu tạo cơ quan sinh dục nữ gồm những bộ phận nào. Xác định chức năng của các bộ phận đó bằng cách hoàn thành Bảng 44.2.  Quan sát Hình 44.2, cho biết cấu tạo cơ quan sinh dục nữ gồm những bộ phận  Quan sát Hình 44.2, cho biết cấu tạo cơ quan sinh dục nữ gồm những bộ phận  **Câu 4:** Quan sát Hình 44.3 và 44.4, hãy phân biệt thụ tinh và thụ thai. Nếu quá trình thụ thai không xảy ra sẽ gây nên hiện tượng gì?  Quan sát Hình 44.3 và 44.4, hãy phân biệt thụ tinh và thụ thai  **Câu 5.** Dựa vào Hình 44.3 và 44.4, cho biết những điều kiện cần cho sự thụ tinh và thụ thai.  Dựa vào Hình 44.3 và 44.4, cho biết những điều kiện cần cho sự thụ tinh  *- GV cho HS thực hiện ở nhà: Đề xuất cách xây dựng lối sống lành mạnh để bảo vệ sức khỏe sinh sản của bản thân.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  HS: Thảo luận nhóm trả lời câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  HS: Các nhóm báo cáo kết quả hoạt động.  HS: Nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức. | **IV. Vận dụng.**  *Hướng dẫn trả lời câu hỏi phần hoạt động thảo luận:*  **Câu 1.** Sự khác nhau giữa chức năng của hệ sinh dục nam và nữ:  - Hệ sinh dục nam có chức năng sản xuất, lưu giữ, nuôi dưỡng tinh trùng và giải phóng tinh trùng trong quá trình thụ tinh; sản xuất hormone điều hòa quá trình sinh tinh trùng.  - Hệ sinh dục nữ có chức năng sản xuất trứng; là nơi diễn ra quá trình thụ tinh, thụ thai, nuôi dưỡng thai và sinh con; sản xuất hormone điều hòa quá trình sinh trứng.  **Câu 2.**   |  |  | | --- | --- | | **Bộ phận** | **Chức năng** | | Ống dẫn tinh | Dẫn tinh trùng từ tinh hoàn lên túi tinh. Có đoạn hình thành ống phóng tinh. | | Tuyến tiền liệt | Tiết ra chất dịch góp phần hình thành tinh dịch. | | Tuyền hành | Tiết ra dịch nhầy làm bôi trơn dương vật hoặc chuẩn bị cho quá trình phóng tinh. | | Tinh hoàn | Sản xuất ra tinh trùng và tiết ra hormone sinh dục nam (testosterone). | | Bìu | Chứa tinh hoàn, đảm bảo nhiệt độ thích hợp cho quá trình sinh tinh. | | Dương vật | Chứa ống dẫn nước tiểu (niệu đạo) để bài xuất nước tiểu và tinh trùng ra ngoài. | | Túi tinh | Nơi lưu trữ và nuôi dưỡng tinh trùng. | | Mào tinh hoàn | Nơi tinh trùng tiếp tục phát triển và hoàn thiện về cấu tạo sau khi được sinh ra. |   **Câu 3.**   |  |  | | --- | --- | | **Bộ phận** | **Chức năng** | | Ống dẫn nước tiểu | Nằm riêng biệt với âm đạo, bài xuất nước tiểu ra ngoài. | | Tuyến tiền đình | Tiết dịch nhờn để bôi trơn âm đạo. | | Ống dẫn trứng | Vừa có chức năng dẫn trứng, vừa là nơi diễn ra quá trình thụ tinh. | | Tử cung | Là nơi diễn ra quá trình thụ thai và nuôi dưỡng thai. Đẩy thai ra ngoài ở cuối thai kì. | | Phễu dẫn trứng | Đón nhận và đưa trứng vào ống dẫn trứng. | | Âm đạo | Là đường dẫn tinh dịch vào tử cung và là đường ra của trẻ trong quá trình sinh nở. | | Buồng trứng | Sản xuất ra trứng, đồng thời tiết ra hormone sinh dục nữ (estrogen và progesterone). |   **Câu 4.** Phân biệt thụ tinh và thụ thai:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tiêu chí** | **Thụ tinh** | **Thụ thai** | | Khái niệm | Thụ tinh là quá trình tinh trùng kết hợp với trứng tạo thành hợp tử. | Thụ thai là quá trình phôi bám vào niêm mạc tử cung, làm tổ và phát triển thành thai. | | Vị trí  diễn ra | Trong ống dẫn trứng (thường là ở khoảng 1/3 phía ngoài của ống dẫn trứng). | Trong tử cung. | | Điều kiện | Trứng phải gặp được tinh trùng. Tinh trùng phải chui được vào bên trong trứng. | Phôi phải bám và làm tổ được ở lớp niêm mạc tử cung. |   - Nếu quá trình thụ tinh không xảy ra, thể vàng sẽ bị thoái hóa dần làm cho lớp niêm mạc tử cung bong ra từng mảng, thoát ra ngoài cùng với máu và dịch nhầy gây nên hiện tượng kinh nguyệt.  **Câu 5.**  - Những điều kiện cần cho sự thụ tinh: Trứng phải gặp được tinh trùng ở thời điểm nhất định. Tinh trùng phải chui được vào bên trong trứng.  - Những điều kiện cần cho sự thụ thai: Hợp tử phải bám và làm tổ được ở lớp niêm mạc tử cung. |

**\* Hướng dẫn HS tự học ở nhà**

1.Bài sắp học: Ôn tập lại các kiến thức bài 40.

Làm bài tập bài 40 trong SBT

2.Bài sắp học: Đọc trước nội dung bài 41: Môi trường và các nhân tố sinh thái.

Trả lời các câu hỏi sgk

**+** Kể tên các môi trường sống của sinh vật?

+Mỗi môi trường cho hai ví dụ về sinh vật sống ở đó.

|  |  |
| --- | --- |
| *Hòa Quang Bắc, Ngày 28 tháng 2 năm 2025* |  |
| ***Tổ trưởng*** | *Giáo viên*  *Nguyễn Thị Kim Chuyên* |